

Chợ Sắt Huế
Trung
VIÊN-ÂM

NGUYỆT SAN

CƠ-QUAN HOANG PHÁP của HỘI VIỆT-NAM PHẬT-HỌC

圓音

Ph
Năm thứ 8 — số 81 — Ngày 3-7-49 (Mồng 8-6 Kỵ-Sửu)

Phật lịch 2512

MỤC LỤC

HỌC-PHẬT

Đại-Ý Kinh-Thủ-Lãng-Nghiêm

Luận Đại Thừa Khởi Tín

Bài Giảng TAM QUY

Phật giáo có những khuyết điểm ấy không?

Phật Hóa (Thor)

Những Mẫu Chuyện Đạo

Chân Tính-Thần Cứu-Thế Tích Cực của

Phật-Pháp

THUYỀN-MINH

THIỆN-SIÊU

TRÍ-QUANG

THÍCH TRÍ-THỦ

HÙNG-KHANH

TỔNG-ANH-NGHỊ

MINH-CHÂU

TRÍ KHÔNG

CÁO BẠCH

Kính quý Độc-giả,

Toà-soạn chúng tôi nhận được nhiều thư của độc-giả các Tỉnh-Hội gửi về cho biết bài vở trong hai số VIÊN-ÂM mới bản sau (số 79 và 80) viết cao quá, làm cho những Đạo-hữu mới học Phật khó hiểu thì việc tu-tập cũng không có kết-quả lắm ; vả lại hạng độc-giả VIÊN-ÂM ngày xưa, nay cũng không còn mấy, nên có yêu-cầu toà-soạn chúng tôi chàm-chước thể-tài tờ báo cho dễ đọc hơn, để việc hoằng-pháp được thêm phần lợi-ích.

Vậy bắt đầu từ số 82, chúng tôi sẽ rút bớt phần « Luận KHỞI TÍN » ở mục Luận-Học và xin thay vào những bài giản-dị có tính-cách phổ-thông hơn, nhưng Viên-Âm bao giờ cũng giữ lấy cái nội-dung trang-nghiêm đúng với Tôn-chỉ của nó.

Riêng về bản dịch bộ luận Khởi-Tín, sẽ xuất-bản nay mai theo tử sách Phật-Học Tùng-Thư của Hội.

Nay cáo bạch
TÒA SOẠN VIÊN-ÂM



HỌC PHẬT

Mục đích học Phật. —

« Nay tôi lập chí không vì mình cầu sự an vui trong loài người trên cõi trời, hay thanh-văn, duyên-giác, bồ-tát. Tôi chỉ nương dựa Tối-thượng-thừa phát Bồ-đề-tâm : nguyện cùng tất cả các loài chúng sinh trong pháp-giới một thời đồng được Trí-Giác - Đấng-Đẫn - Cùng-khắp - Tuyệt-Đối ».

Đó là lời phát-nguyện hằng ngày của người học Phật đọc lên trước đức Phật-Chí-Giác trong những buổi chiều tà hay giờ Bình-minh. Cái mục-dịch ấy không phải chỉ là mục-dịch của việc học, mà hết thấy việc làm của người Phật-Tử đều xây đắp trên nền-tảng ấy, đều nhắm vào mục-tiêu ấy. Đức Phật từng ví-dụ những ví-dụ này để cảnh-sách những người học Phật không có chí Cao: « kẻ ấy định xây lâu đài trên hư-không, tìm lông nơi con rùa, tìm sừng nơi con hổ, vắt cát ra dầu, hay nấu sạn thành cơm: việc không thể có được ». Bởi vậy cho nên một người Phật-Tử tin Phật hay học Phật mà mang một ý-niệm, một hy-vọng tìm hạnh-phúc riêng, hay cầu sự an-ninh, giải-quyết cái chết, thì đó là sự dụng tâm trái Đạo rồi

vậy. Phải hiểu thâm-thiết rằng học Phật là dự-định, là sẵn sàng để đi trên con đường tự lợi-lợi tha vô cùng khó-khăn khổ-sở mà ta phải đủ sức thắng-phục để đến địa-vị Đại-giác.

Mục-dịch học Phật với việc học Phật. —

Với một mục-dịch cao-cả, người Phật-Tử không nên coi việc học Phật là điều dung-dị, đừng cố ý nghĩ học Kinh Luận chỉ để hiểu biết hay để được phước. Phải luôn luôn hình-dung, rõ ràng trước mắt con đường vừa dài vừa gay go từ địa-vị chúng ta đến quả Vô-thượng, nên chúng ta phải học, học một cách gay-go, nhằn-nại, học nơi người, nơi mình, học ở trong Kinh Luận, học ra ngoài sự thật, nói tóm là học bằng nghe, bằng suy-nghĩ, bằng thực-hành.

Hãy bỏ những thành-kiến đi. —

Sự học Phật là thế. Nhưng nói gần gũi thì bây giờ chúng ta phải bắt đầu học giáo-lý ở Kinh sách. Song khi học giáo-lý, ta không nên mang theo những thành-kiến cũ, những ý-kiến cũ. Phải nghi ngờ tất cả những cái hiểu biết cũ của mình mới khỏi sai-lầm, khỏi trở-ngại cho sự hiểu biết đúng đắn. Ta không thể hiểu một cách sai-lầm bằng mừng-tượng và thói quen mãi rằng « nghiệp » là nghiệp-dĩ, « nhân-duyên » là duyên-nợ, là thiện-cảm, « tâm » là lòng, là tình-cảm ; không thể hình-dung « Tu » là hiền-lành, « từ-bi » là mềm-dẻo, « nhân » là khuất-phục. Hay nói cái thông-thường nhất là nhân-quả luân-hồi : chớ hiểu một cách giản-dị rằng nhân-quả là « trồng dưa được dưa, trồng đậu được đậu » và luân-hồi là « linh-hồn đầu thai trở lại » mà oan-uổng cho Phật-giáo.

Phải biết Phật-giáo là một hệ-thống học-thuyết. —

Chính vậy, chính Phật-giáo là một học-thuyết mà khác hẳn các học-thuyết cổ kim cả về giáo-lý lẫn danh-từ và

văn-tự. Cho nên khó mà đem từ-ngữ học-thuyết khác để thay cho từ-ngữ Phật-giáo, lại càng không thể đem từ-ngữ ấy để hiểu Phật-giáo. Cố nhiên đây không phải là điều tuyệt-đối, nhưng một phần lớn không thể được. Vậy ta không thể vì những từ-ngữ khó nghe nhưng đủ nghĩa mà chán-nản và chỉ thích những danh-từ bùi tai mà rỗng-tuếch để chánh-giải phải sai-lầm.

Thêm vào đó một cái khó nữa. —

Từ-ngữ là một cái khó rồi, nhưng chưa hết. Học Kinh Luận còn một cái khó nữa là văn-pháp. Đừng nghĩ Kinh Luận dịch ra Hán-văn là văn-pháp chữ Hán. Một chứng-cớ rõ-ràng là những người nho học khá vẫn dễ hiểu lầm Kinh Luận.

Như chúng ta đã biết, thánh-diễn Phật-giáo nguyên-thỉ chép bằng ba thứ chữ : chữ Phạm, chữ Pali và chữ Samskr̥t. Hai thứ chữ sau là văn thổ-âm, đại-khái như văn bạch-thoại, nên có phần dễ hiểu, đến như chữ Phạm thì nó là thứ chữ của các học-giả Ấn-Độ dùng để diễn đạt giáo-lý cao-siêu, sự phổ-thông của nó còn hẹp hơn văn-ngôn đối với bạch-thoại, nhưng vì vậy mà văn pháp chữ Phạm là một chữ một trời nghĩa. Mà ác thay, tất cả kinh luận Đại-Thừa lại chép bằng thứ chữ này, bởi vì thiệt ra cũng chỉ có thứ chữ ấy mới đủ sức để diễn đạt giáo lý Đại-Thừa mà thôi. Song vì vậy mà văn-chương và từ-ngữ Kinh Luận khó biết bao nhiêu, ta có thể tưởng-tượng mà cố gắng.

Cái khó vẫn chưa hết. —

Ấy là các Kinh Luận khó khăn bằng chữ Hán dịch từ chữ Phạm ra đó chưa được dịch ra quốc-ngữ, và các từ

ngữ khó khăn chưa được giải-thích bằng Từ-Điển. Nhưng đó là sự tiến-triển chậm chạp chung của văn-hóa nước ta mà Phật-giáo là một. Chữ quốc-ngữ ta mới dùng được vào sách báo chỉ trong vòng 50 năm nay, nhưng còn nay sửa mai đổi. Còn nói đến học thuật thì những khoa-học duy-lực, những triết-lý duy-năng của nửa thế-kỷ 19 đến thế-kỷ này chưa thấy ở nước ta. Cho nên trước sự tiến-hoá chậm-chạp và thụ-động của nền văn-hóa chung, ta ngó lại Phật-giáo ta trong mấy năm nay kể cũng đã khá rồi vậy. Nhưng ta phải thấy cái việc Kinh Luận bằng chữ Hán là việc khó-khăn trở-ngại cho việc học Phật, để nhận lấy trách-nhiệm mình đối với người sau mà cố gắng học-hỏi và phiên-dịch.

Kéo lại vấn-đề. —

Như trên kia đã nói, tuy không phải tuyệt-đối không thể dùng từ-ngữ học-thuyết khác thay cho từ-ngữ Phật-giáo, nhưng rất khó-khăn mà không đầy-dủ. Ví-dụ như chữ « nghiệp ». Chữ này có thể thay thế bằng chữ động-tác, nhưng chữ động-tác chỉ có thể biểu thị cái nghĩa tác-dụng của chữ Nghiệp mà không thể có cái nghĩa « hành động có ý-chí tánh-cách » của Nghiệp; trái lại, chữ hành-động lại không đủ tiêu-biểu cái nghĩa tác-dụng (hay năng lực) của Nghiệp.

Lại như chữ « quán-đãi » là chính nghĩa chữ « đối-đãi », nhưng sự đối-đãi là do ý-niệm, và những hình-ảnh đối-đãi chỉ có với ý-niệm, nên phải dùng chữ quán-đãi mới đúng. Chữ « nhân-duyên » có thể thay bằng chữ « quan-hệ »: sự vật quan-hệ với nhau mà tạo thành cho nhau; nhưng chữ quan-hệ ấy

nó không tỏ được trong các mối quan hệ kia, cái gì là chính cái gì phụ.

Rõ ràng hơn nữa, như chữ « các hành » « các pháp » hay chữ « pháp-giới » vốn có thể thay bằng danh từ « vũ-trụ », nhưng danh từ Vũ-trụ khi đọc lên, nó không tiêu-biểu ý-nghĩa « vũ-trụ là những đồng sinh diệt » như chữ Hành, « sự vật là những thể tổ-hợp » như chữ Pháp, hay « cái thật-cái giới-hạn của từng sự vật, của không gian của thời gian chỉ do ý-niệm quy-định » như chữ Pháp-giới. Ấy là chưa kể những chữ phân biệt, chữ động-dạng hay chữ chân-như, chữ thật-tế thì thiệt không có cách gì thay đổi được nữa.

Một đề-nghị. —

Vậy bây giờ chúng ta làm thế nào?

Riêng phần tôi, tôi nghĩ :

a) Những Kinh Luận thì tôi không dám nghĩ gì, vì chính tôi, trong khi phiên-dịch, tôi đương lo phiên-dịch không trúng, chứ chưa có cao-vọng làm cho người dễ hiểu. Nhưng những sách báo phổ-thông thì, tùy trường-hợp, ta phải dụng từ-ngữ phổ-thông ngàn nào hay ngàn ấy, song phải chú-thích kỹ càng mới được.

b) Gấp rút lập một chương-trình Kinh Luận cần dịch và làm Từ-diễn, Việc này nếu tổ-chức khéo, tôi chắc thành-tựu được.

Tôi xin cùng hàng ngàn hàng vạn Phật-tử thành-tâm ngưỡng-vọng nơi lòng hoàng-pháp của các vị xuất-gia nghĩa-học và các vị hộ-pháp cư-sĩ để giải-quyết một phần nào cho việc học Phật vô cùng khó khăn.

THUYỀN-MINH

Đại-ý KINH THỦ-LĂNG-NGHIÊM

(tiếp theo)

THIỆN-SIÊU

Phật gạt hời chỗ chứng ngộ để lựa chọn căn viên-thông thù-thắng.

XÚC TRAN VIÊN THÔNG. —

Ông Bát-Đà-bà-la (Tàu dịch là Thiện-thủ hay Hiền-Hộ) nhân quán xúc-trần mà ngộ-nhập Viên-thông. Xúc là đụng chạm, tiếp xúc. Cảnh bị biết của thân-căn, hay nói cách khác là sắc cảnh ứng hợp thân căn phát sanh nhận biết có lạnh, nóng, trơn, nhám vân vân... đều gọi là xúc trần cả. Như vậy, xúc-trần được phát hiện là bởi có thân-căn với sắc cảnh, thiếu một không thành, xúc trần hư dối. Và lại, như khi đối trước một lò lửa, nếu kẻ rét thì ngồi bên biết ấm, còn kẻ sốt thì lại gần cảm-giác nóng thêm, vậy thì món xúc ấy là món xúc gì, lạnh hay nóng? Không thể nhất định được. Đối với nước cũng vậy, khi chúng ta dùng nước tắm gội thân thể, nước chảy trên mình mà phát-sanh cảm-giác thể này thể khác gọi là xúc trần. Nhưng xét nghiệm kỹ thì khi ta gọi là tắm rửa, ấy là rửa thân thể hay rửa bụi trần? Nếu nói là rửa thân-thể thì như không bụi trần lấy gì để rửa; nếu nói là rửa bụi trần, thì như nước chảy trên đất cũng gọi là tắm rửa đứng sao? Thế thì, nước, bụi

trần, thân thể vốn thật an-nhiên, nước không phải hay rửa (năng) mà bụi trần và thân thể không phải vật bị rửa (sở) cho nên xúc trần chỉ là tướng giả dối đối đãi theo vọng-nghiệp chủng sanh, không xúc mà hiện xúc, nên xúc-trần đều là như huyền, phi hữu phi vô. Ngộ được như vậy mà tu-hành, tức thành đặng bậc Vô-học.

PHÁP TRẦN VIÊN THÔNG. --

Ông Ma-ha Ca-diếp nhân quán Pháp-trần mà ngộ nhập Viên-thông. Pháp trần là gì ? là tất cả ấn-tượng của tiền-trần : sắc, thanh, hương, vị, xúc lưu lại trong tâm ý mà làm cảnh sở duyên cho ý thức. Tất cả cảnh giới thế-gian tóm lại không ngoài 6 trần : sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp ấy. Nhưng pháp đó nó luôn luôn biến chuyển, hoặc âm thầm kín đáo, hoặc rõ rệt phô bày, chứ không niệm nào yên-lặng dừng nghỉ. Vừa vị-lai đã thành hiện-tại, vừa hiện-tại đã thành quá-khứ, như vậy hãy chỉ vào đầu mà cho là có Pháp thiết, chỉ vào vị-lai u ? hay chỉ vào quá-khứ, hiện-tại u ? thiết không thể chỉ vào đâu được. Pháp trần đã không thiết, pháp trần là chơn-không, thì các món thọ, tưởng, hư vọng phiền não nương pháp-trần sanh ra cũng liền tiêu-diệt, phá trừ ý thức, chứng diệt-tận-định. Khi ấy thân tâm tự-tại, đối với không-gian cũng, như đối với thời-gian ; không rời chỗ ngồi mà ở khắp mười phương, vượt trăm ngàn kiếp mà dường trong giây phút gảy móng tay, thoát ngoài vòng chướng-ngại của những sự lâu, mau, xa, gần, hạn cuộc.

NHÂN CĂN VIÊN THÔNG. --

Ông A-Na-Luật-Đà nhân tu về nhân-căn, xa bỏ sắc trần, xoay cái thấy (hư vọng) trở về kiến-tĩnh (chơn tánh) mà thành bậc Vô-học.

Kiến tánh thường diệu thường minh, nhưng nơi con mắt mà phát ra cái dụng thấy sắc gọi là nhãn căn, kiến tánh vốn đã diệu minh cho nên kiến dụng chẳng lúc nào không minh không diệu. Chúng-sanh nhiều kiếp mê lầm không tự nhận biết, trở lại chấp rằng cái thấy chỉ do con mắt và có sắc-trần, hề có sắc-trần thì gọi rằng có thấy, còn không sắc-trần thì gọi là không thấy, mở mắt là thấy, nhắm là không. Đã đem tánh thấy viên dung cùng khắp mà khauôn khô một nơi, nên bị cách ngại, thấy không quá ngoài sống mũi, thấy không thấu đựng hai đời. Dầu khi nhắm mắt, khi ngủ mê không thấy đủ thành, mà khi mở mắt cũng chẳng thấy được sự thật của muôn pháp. Trong một đoạn trước, Phật gạn hỏi ông A-Nan về cái thấy là tâm hay còn mắt? Và Ngài đã bảo: Tâm thấy chỗ không phải mắt thấy. Đấy, Phật cốt chỉ cái kiến-tánh này cho đến chỉ văn-tánh, khứu-tánh vân vân... Thế nên biết rằng có mắt không tâm, không thành có thấy, có tâm không mắt cũng thấy khắp mười phương, ấy gọi là nhạo-kiến-chiếu-minh. Kiến-tánh bản-minh đó xưa nay không hề lay chuyển, ấy gọi là Kim-cang tam-muội.

TỶ CĂN VIÊN THÔNG. —

Ông Châu-Lợi Bàn-Đặc-Ca (là hai anh em. Tàu dịch là Đại-lộ-biên và Tiểu-lộ-biên. Đây cốt chỉ ông em) nhận tu tỉ căn mà chứng nhập viên-thông.

Kiếp xưa của ông là một vị Đại Pháp sư vì tâm xan lẫn Phật-pháp, không muốn nói cho ai nghe, nên bị quả báo ngu mê, thiếu tánh nghe nhiều hiểu rộng. Nhân đó Phật mới dạy

phương-pháp nhiếp-tâm là điều-hòa hơi thở ra vào đếm từ một đến trăm, từ trăm đếm lui một, sau khi tâm định tĩnh, xét cùng tột đến tướng vi-tế của hơi thở, thấy đều sanh, trụ, diệt, từng nổi sát-na. Tâm chỉ chú vào hơi thở, ngoài hơi thở không riêng có sự vật gì, cũng không có tướng hơi thở nữa, bởi vì hơi thở đã sát-na chuyển biến, hơi thở không có thật tánh ; trước quán-cảnh không tịch ấy thì tâm trí rỗng rang sáng suốt vậy.

THIỆT CĂN VIÊN THÔNG. --

Ông Kiều-Phạm-Bát-Đề (Tàu dịch là ngư-tử) nhân tu thiệt căn mà chứng nhập Viên-thông. Trong một kiếp quá-khứ ông từng buông lời chê bai vị lão tăng, nên nhiều đời mắc lấy cái tội mạng thường nhai suông như trâu. Phật thuyết pháp lúc nào cũng tùy căn cơ, tùy tập-quán chúng-sanh cả ; nên Ngài đã tùy tập quán của ông mà dạy cho pháp-môn nhất-vị thanh-tĩnh tâm-địa ; nghĩa là quán cái tánh biệt vị phát hiện nơi thiệt-căn, vốn thường thanh-tĩnh, không phải đổi-đổi giả dối, không thay đổi theo mửa, đắng, ngọt, cay nên gọi là nhất vị. Đã vậy, thì cái tánh biệt vị ấy đâu phải là thiệt căn và đâu phải là vị-trần ; vì chẳng phải trần nên chẳng phải vô-tri, mà chẳng phải căn nên không giả-dối ; vì vậy các môn dục-lậu, hữu-lậu, vô minh-lậu trong thế gian không thể ở nhiệm buộc ràng, tuy ở trong ba cõi mà vốn xa là ba cõi như chim ra khỏi lồng, thông dung tự tại, thấy biết rộng xa. Ấy gọi là pháp-nhân thanh-tĩnh thành A-la-hán không còn thọ sanh trong vòng luân-hồi sanh tử. (1)

(Còn nữa)

(1) kỳ này chúng tôi chỉ đăng đại-ý kinh LĂNG NGHIÊM của bài dịch ở số trước, và bắt đầu số 81 trở đi sẽ đăng luận đại ý tiếp theo bản dịch để quý độc-giả dễ đọc hơn.

Luận ĐẠI-THỪA KHỞI-TÍN

(tiếp theo)

TRÍ - QUANG

SINH DIỆT MÔN

TÂM-SINH-DIỆT là nương Như-lai-tạng mà có sinh-diệt-tâm. Tức là bất-sinh-diệt cùng với sinh-diệt hòa hợp, không phải một không phải khác, gọi là A-lại-gia-thức.

Thức ấy có hai nghĩa hay thấu nhiếp tất cả pháp và phát sinh tất cả pháp. Hai nghĩa ấy là gì ? Một là giác, hai là bất giác.

Đoạn trước nói về CHÂN-NHƯ của Tâm, đoạn này nói về SINH-DIỆT của Tâm.

Điều cần nhất là phải hiểu Sinh-diệt quan-hệ với Chân-như như thế nào ? Hỏi như thế cũng như ta hỏi thế nào là sinh-diệt vậy.

Muốn giải-thích chỗ này, ta hãy lấy sự quan hệ giữa cực-vi, đại chúng và trần-cảnh làm ví-dụ. Ai cũng biết cực-vi hợp thành đại-chúng, đại-chúng hòa hợp thành sắc, hương, vị, xúc ; nhưng cực-vi chỉ là thể chất, mà đại-chúng mới cụ thể, khi đại-chúng nhờ nhân duyên tạo thành trần-cảnh thì mới thực đầy đủ. Chân-như với Như-lai-tạng và Sinh-diệt-tâm cũng như vậy : Chân-như chỉ là tổng-thể, biểu hiện tổng-thể ấy một cách cụ thể là Như-lai-tạng, bởi vì nó là sở-y của các pháp, nên khi tùy duyên thì tức là Sinh-diệt-tâm. Nên nguyên văn nói « Tâm sinh-diệt là do Như-lai-tạng mà có Sinh-diệt-tâm ». Rồi giải-thích : « Tức là bất-sinh-diệt cùng với sinh-diệt hòa hợp không phải một không phải

khác nhau, gọi là A-lại-gia ». Như vậy nghĩa là : « ... Trạng thái hòa hợp phi nhất phi dị gọi là A-lại-gia ấy tức Sinh-diệt-tâm vậy ».

Cho nên danh từ Chân Như chỉ là tổng-thể của Tâm-Pháp, còn danh từ Như-lai-Tạng chỉ là tổng-tướng của Tâm Pháp, mà danh từ A-lại-gia mới thiết-cụ-thể hiển thị được toàn thể tướng-dụng về Tịnh cũng như về Nhiễm của Tâm-Pháp vậy. Muốn rõ ràng hơn, tôi thuật ra đây một thí dụ khác mà người ta thường dùng để giảng sự quan hệ giữa Chân Như và Sinh-Diệt. Chân Như như tánh nước, Như-Lai-Tạng như nước, mà A-Lại-Gia thì như một bể nước bao la gồm đủ tất cả động-năng, sóng-ngôi, tôm cá, cù-lao v.v..., cho đến cả gió là sự xáo xát của không-khí của trên bề nữa, nên Kinh-Luận thường lấy gió kích-dộng động-năng phát-dộng sóng ngôi thí dụ cho nhân-duyên kích thích chủng tử phát khởi hiện hành.

Thế là ta đã thấy A-lại-gia-thức (Sinh diệt-tâm) biểu thị được toàn thể tướng dụng của Tâm về Nhiễm cũng như Tịnh, và lý-do cũng đã được trình bày rồi, bây giờ bước lên một bước nữa, để giải thích rõ ràng cái năng-lực ấy, cái nội dụng ấy của A-lại-gia. Nguyên văn nói : « Thức A-Lại-Gia có hai nghĩa có thể thâu gồm tất cả pháp, phát-sinh tất cả pháp, hai nghĩa ấy là Giác và Bất-Giác ». Phải chú ý chữ nghĩa ở đây. Không nên lầm cho có hai cái, một giác, một bất-giác khác nhau, mà nên nói nó có hai trạng-thái thì đúng hơn : tùy nhiễm duyên, trạng thái Bất-Giác hiện hình, mở gặp tịnh-duyên thì toàn thể-Giác sẽ trình bày rõ-ràng, cũng như sáng và tối chỉ là hiện tượng của thái-hư vậy.

A. — GIÁC.

GIÁC tức là tâm-thể-ly-niệm. Thể ly-niệm ấy đồng đẳng hư-không, không chỗ nào không khắp, pháp-giới nhất-tướng, tức là bình-đẳng pháp-thân của chư Phật. Căn-cứ pháp-thân ấy nói là Bản-Giác. Tại sao vậy ? Vì Bản-Giác là đối với Thi-Giác mà nói, mà Thi-Giác thì tức đồng với Bản-Giác.

Thĩ-Giác là nương Bản-Giác mà có Bất-giác, do Bất-Giác mà nói có Thĩ-giác. Thĩ-giác ấy lại vì giác-ngộ tâm-nguyên nên gọi là cứu-kính-giác, không giác-ngộ tâm-nguyên nên không phải cứu-kính-giác. Nghĩa ấy thế nào ?

Như phạm-phu vì giác biết niệm trước khởi ác, nên hay ngăn niệm sau, làm cho không sanh ; tuy gọi là giác mà tức là bất-giác. Như quán trí của Nhị Thừa và các vị Sờ-phát-ý Bồ-tát giác-ngộ cái tướng niệm-dị, niệm tướng vô-dị ; vì họ được phân-biệt chấp-trước phần thô nên gọi là tương-tự-giác. Như các vị Pháp-thân Bồ-tát giác cái tướng niệm-trụ, niệm tướng vô-trụ ; vì trừ bỏ được vọng-niệm phân-biệt phần thô nên gọi là tùy-phân-giác. Như các vị Địa-tận Bồ-tát đầy đủ phương tiện, một niệm tương-ưng, biết tướng sơ-khởi của tâm ; nhưng tâm không có sơ-tướng, chỉ vì viễn ly vọng-niệm vi-tê nên thể chứng tâm-tánh, tâm tức thường trú nên gọi là cứu-kính-giác. Thế nên Khế-kinh nói : « Nếu có chúng sanh nào hay quan thể vô-niệm thì thể là hướng về Phật-trí vậy ». Lại tam phat-khởi thiết không có cái sơ-tướng có thể biết được, nhưng nơi biết sơ-tướng thì chính là vô-niệm. Thế nên nơi thay chúng sanh không thể gọi là giác-ngộ, vì vô thì đến giờ niệm niệm tương tục, chưa từng rời vọng niệm, nên nơi đó là vô thí vô minh. Nếu được vô niệm thì biết tướng sanh, trụ, dị, diệt của Tâm, vì vô niệm bình đẳng. Nên thiết cũng không có Thĩ-giác nào khác, vì bốn tướng đồng thời mà có, đều không tự lập, bản lai bình-đẳng, đồng một giác-tánh vậy.

Nghĩa Giác của A-lại-gia có 2 phần là Bản-giác và Thĩ-giác.

1º, BẢN-GIÁC: Bản-giác nghĩa là, tức là tâm-tánh bản lai thanh-tịnh. Thể thanh-tịnh bản lai ấy gọi là Bản-giác. Tại sao Tâm tánh bản

lai thanh-tĩnh? Vì Tâm-tánh bản lai ly niệm, thoát ly vọng niệm, mà vọng-niệm tức là vô-minh, là bất-giác, nên đến đoạn Bất-giác sẽ giải-thích cho tường tận. Nhưng do đó mà ở đây chúng ta biết rằng: vọng niệm là trạng thái bất giác, nên hết thấy sự mê lầm vô lý, sự hạn cuộc vô lý, sự sai biệt vô lý đều vì vọng niệm gây ra. Cho nên một khi nhờ Thĩ-giác quay lại Bản-giác, nghĩa là trừ vọng-niệm rồi thì toàn-thể giác-tánh hiển lộ. Nên nguyên-văn nói: « Bản-giác là tâm-thể ly-niệm, thể y-niệm ấy ... không chỗ nào không khắp ... tức là pháp thân ... nên gọi là Bản-giác ».

Đến đây ta cũng nên biết những danh-từ Bản-giác, Thĩ giác và Bất-giác đều là giả thiết, vì chỉ đối đãi với nhau mà có: « Bản-giác là đối với Thĩ-giác », Thĩ-giác thì « vì Bất-giác mà có », còn Bất-giác thì « nương Bản-giác mà có ». Thật là cả một vòng luân-hồi luân-quần chỉ do Bất-giác gây ra và không ngoài Giác-tánh

20/ THĨ GIÁC: Thĩ-giác một là năng-lực tự-giác của Bản-giác, nguyên văn viết: « Thĩ-giác là nương Bản giác mà có Bất-giác, vì Bất giác mà có Thĩ-giác », vì vậy chữ Thĩ-giác, cũng có thể gọi là phản-giác. Như người lầm đường vì có đường mới lầm, Bất-giác cũng vậy, nương Bản-giác mà có ra. Vì có Bất-giác, nên khi Bản-giác tự-giác lại, phản-giác lại để tiêu diệt dần dần Bất giác ấy đi, thì năng-lực tự-giác ấy gọi là Thĩ giác, nên nguyên-văn nói vì có Bất-giác nên có Thĩ-giác, cũng như vì có đi lầm đường mới có cái đi quay trở lại.

Song chính vì Thĩ-giác như thế nên nó có đẳng cấp, có giai-đoạn. Nguyên-văn viết: ... lại vì giác được tâm-nguyên thì gọi là cứu-kính-giác, mà chưa giác được tâm-nguyên thì không phải là cứu-kính-giác. Cho nên Thĩ-giác có 4 giai-đoạn sau đây:

1) GIÃ DANH GIÁC. — Như nguyên văn nói: Phàm phu biết tâm niệm đã qua là ác nên ngira tâm niệm sau không cho phát sinh. Đó cũng là hành tướng phản giác, nhưng chỉ giả danh là Giác, vì chưa đã

đồng gì đến tâm tánh cả. Tuy vậy, sự tự giác ấy là nền móng đầu tiên không thể không có. Trái lại, nó rất quan hệ cho sự Giác Ngộ của người tu hành đối với Phật-quả. Ta có thể nói rằng tu hành là một sự tự-giác, luôn luôn tự giác tâm niệm. Luôn luôn tự giác tâm-niệm thì ắt nhiên niệm ác không còn mà niệm thiện phát sinh và dần dần tiến triển. Nhờ vậy mà có thể bước tới 3 vị-thứ sau.

2o/ TƯƠNG TỰ GIÁC. — Nguyên văn nói: Như quán trí của hàng Nhị Thừa và các vị Bồ tát sơ phát tâm giác sát, niệm dị, quán tướng vô dị. Niệm dị là cái vọng niệm chấp có ngã pháp sai biệt, tức là dị tướng vô minh; quán tướng vô dị là dùng sinh-không-quán và pháp-không-quán quán sát ngã (thân tâm) pháp (vũ trụ) tất cả đều chỉ là sự trình bày của các mối quan hệ (nhân duyên), cho nên cái vọng chấp thô về ngã và pháp không còn nữa, gọi là Giác. Nhưng cái Giác này mới dường tượng, chưa như thật giác ngộ Tâm-tánh, nên gọi là Tương-tự-giác.

3o/ TÙY PHẦN GIÁC. — Nguyên văn viết: Như các vị Pháp-thân Bồ-tát giác sát niệm trụ, quán tướng vô-trụ. Niệm-trụ là, tuy đã xé nhận các pháp chỉ là hiện thân của nhân-duyên, nhưng vọng-niệm vẫn còn trong vòng nắn số đối-đãi, tức là trụ tướng vô minh; quán tướng vô-trụ là trực-lâm chánh-niệm Chân-như, nhập Chân-như quán, siêu việt trên mọi hành tướng đối-đãi.

Nhưng năng sở tương đối trụ trước là cả một lớp lớp khi sâu dày. Các vị pháp thân bồ tát trải qua từng địa vị trong 40 địa thâm nhập chân-như-quán tưởng nào thì tức là trừ được tập khí ấy; nói ngược lại, là trừ được tập khí ấy từng nào thì thâm nhập pháp tánh chân như từng ấy, nên gọi là Tùy phần giác.

Giữa danh giác và Tương tự giác chỉ như người bơi quay trở lại và mới đi vào thấu bề cũ Chân-như. Đến Tùy phần giác này mới phần thân chứng nhập Chân-như, như người lớp lớp lặn sâu xuống đáy bể, nên sự tu hành đến đây mới gọi là như thật, mới trừ trụ tướng

vô minh, một thứ vọng niệm rất vi tế, nhưng nói là-thở vì không bằng sinh tướng vô minh mà thôi.

4) CỨU KÍCH-GIÁC. — Ba giai đoạn phản-giác Tâm-nguyên của Thỉ giác trên thật chưa cùng tốt Tâm tánh, nên chưa phải là cứu kính. Đây mới thật là cứu kính giác. Nguyên văn nói: « Như các vị Địa-tan bỏ-tắt khi phương tiện đầy-đủ thì nhất niệm tương ưng, giác được tướng sơ khởi của Tâm » Sơ khởi là bất giác vọng động, là vọng niệm căn bản, là sinh tướng vô minh vậy. Các vị Đẳng-giác khi phương tiện đa hạnh đầy đủ rồi thì đến sát na tối hậu thể nhập (tương ưng) căn, để Chán như, nghĩa là nhất niệm trừ sinh tướng vô minh, tức đồng thời hiện chứng Pháp tánh Chán như. Trạng thái ấy ta có thể lấy sự ánh sáng lan tràn khắp nghĩa là bóng tối tiêu diệt hết mà thí dụ. Cho nên trong Chán như giác tánh, Giác với Bất-giác không có cái gì có nghĩa lý, có sơ khởi cả, cũng như trong hư không không sáng thì tối mà tối hết thì sáng ra, cho nên ở đây có thì có mà chưa đầu tiên, chu sinh khởi thành vô nghĩa vậy. Nguyên văn nói: « Thậpet ra Tâm không có cái tướng sơ khởi chỉ vì tiêu diệt vọng niệm vi tế (sinh tướng vô minh) được thấy Tâm tánh thường trú nên gọi là Cứu kính giác ».

Nếu sự tu hành then chốt là « ly niệm » : viễn ly vọng niệm. Vọng niệm là bất giác, thể Bất giác là giác, nhưng là cái giác nghịch dụng nên phải có Thỉ giác phản giác lại, phản giác lại ngăn nào tức ly niệm ngăn ấy: cho đến lúc vô niệm (không còn vọng niệm vi tế căn bản, tức là tiêu hết sinh tướng vô minh) thì Tâm tánh hiển lộ. Nên Khế Kinh nói nếu ai tu tập ly niệm là hướng về Phật trí. Nhưng Thỉ giác chỉ do phản giác mà có, lại vì sự phản giác trừ 4 lớp diệt tướng, diệt tướng, trừ tướng và cuối cùng là sinh tướng của vô minh bất giác, nên in như có 4 thể — nói 4 giai đoạn thì đúng hơn. Nhưng khi vọng niệm hết, Giác tánh hiển lộ thì chỉ thuần* một thể Tâm tánh ly niệm, vọng niệm đã không còn, đâu còn 4 tướng của nó nói một cách khác. Thỉ giác còn không riêng có, đâu có 4 tầng phản giác của nó. Cổ đức có câu: « ngộ liễu đồng vị ngộ, giác mê mê giác đồng nhất giác », nên mê ngộ thì chung không ngoài Giác tánh vậy.

(Còn nữa)

TAM QUY

THÍCH-TRÍ-THỨ

I. - Định nghĩa quy-y Tam-Bảo

A. — Quy - y

1) QUY: nghĩa là trở về. Người đi tha phương cầu thực nay trở về với cố hương, kẻ lạc đường trong đêm tối, nhờ có ánh-sáng của trăng sao, liền quay lại con đường chơn-chánh. Tự tâm chúng ta sẵn có Giác-tánh tức là Phật-tánh, nhưng từ lâu đời bị vọng trần ngăn che, may nhờ có sách sáng của giáo-lý khai ngộ; theo ngoại đạo, bặt dũ, thầy tà, nay ta trở về với đạo-lý chơn-chánh, với thầy sáng suốt bậc thầy lương.

2) Y: nghĩa là nương tựa, y cứ theo, như cây trầu nương tựa và y cứ theo cây cau để sống và phát-triển. Từ trước đến nay ta y theo vọng cảnh vọng trần, y theo tà giáo mà hành-động thành thử bị luân-chuyển trong đau-khổ, may nhờ được người chỉ đường sáng-suốt, chúng ta quyết y cứ trên tự-tánh thanh tịnh, tâm nương tựa những bậc dẫn đường, những giáo-lý chân-chánh để sống mà hành-động.

Trong chữ quy-y chúng ta nhận thấy có 3 ý chính :

- 1) Đem cả thân mạng để quy hướng.
- 2) Quy thuận theo giáo pháp chơn-chánh.
- 3) Thân nhiếp sáu căn, không dơng ruối theo sáu trần mà tu tập, phản vọng quy chơn, để trở về với nhất tâm thanh tịnh sẵn có của mình.

B. — Quy y Tam-Bảo.

Quy-y Tam-Bảo là quy-y Phật, Pháp, Tăng. Phật, Pháp, Tăng là 3 ngôi quý-báu nhất ở trên đời, nên gọi là Tam-Bảo.

1) **QUY Y PHẬT** : nghĩa là trở về nương tựa trên tự tánh thanh tịnh tâm (Phật tánh) của ta. Tất cả chúng-sanh đều có tánh giác rõ biết cùng khắp (giác tánh), tánh ấy tức là Phật tự tâm. Kinh có câu : « Nhất-thể chúng sanh cù hữu Như-lai tri-huệ đức tướng » chính là nghĩa này. Ngặt vì chúng ta đã lâu đời bị vô minh ngăn che, giác tánh không được hiển lộ, nên phải mê muội lẫn lộn trong vòng chúng-sanh. Người nào thể nhận được tự tâm ấy tức gọi là Phật. Mười phương ba đời, các đức Như-Lai là những vị đã giác ngộ tự tâm, đều xứng đáng để ta quy-y. Gần với chúng ta hơn là đức Phật Thích-Ca, Ngài đã xa mọi sự quyến-luyến của dục-tính để đi tìm nguồn đạo cao-cả, và Ngài đã chiến thắng các phiền-não bên trong, cũng như bão cảnh tráo-trờ giữa đời bên ngoài để chứng đến địa-vị cứu kính thanh tịnh. Chúng ta nhận thấy Ngài là một vị toàn-giác, đủ khả năng đem ta đến chỗ giải-thoát, nghĩa là chứng ngộ được tự tâm. Vì những lẽ trên nên ta trở về nương tựa với Phật. Ấy gọi là Quy-y Phật.

QUY Y PHÁP. — Nghĩa là trở về nương tựa trên thật tánh của muôn pháp. Thật tánh tức là chỉ cho tự tánh như như bình-dẳng của sự vật. Mặc dù hiện tượng giữa đời này có sanh, diệt, còn, mất, nhưng thật tánh ấy vẫn không biến-dịch. Mây, mù, hơi, nước tuy khác nhau nhưng không ngoài tánh ướt. Từ trước đến nay vì mê-mờ nên chúng ta không thể nhận được thật tánh ấy, mà cứ đắm say theo vọng-trần giữa cảnh của tám-thức biến hiện, rồi do đó mà tạo nghiệp

thọ quả, luân hồi sanh tử trong ba cõi. Nay ta nguyện trở về với thật tánh tức là quy-y Pháp. Tuy thế, nhưng muốn thể hội được thật tánh cũng không phải tìm đâu xa mà vẫn căn-cứ trên cảnh giữa-hữu để thể nhận thật tánh mà thôi.

Khi nào ngộ được tánh chân-thường của sự vật tức là được ngộ Phật-pháp. Với căn tánh âm độn như chúng ta, nếu không có giáo-pháp chỉ bày thì khó nhận được tánh chân-thường ấy lắm, cho nên ta phải quy-y Pháp, nghĩa là trở về nương theo 3 tạng giáo điển của đức Phật đã dạy mà tu học, mong đoạn-trừ mê chướng chứng ngộ thật tướng bình-đẳng của các pháp và thể không còn quy-y theo một phương-pháp nào khác nữa.

3) *QUY-Y TĂNG* : Nghĩa là trở về nương tựa với vị thầy giác ngộ chính đáng. Như trên chúng ta đã biết, tự tâm thanh tịnh sẵn đủ trong tất cả chúng-sanh, chỉ vì mê không nhận thấy đó thôi. Nay ta đã biết trong tâm sẵn đủ giác tánh, chính giác-tánh ấy là một bậc thầy chân chánh của chúng ta, đủ đạo-lực khai ngộ trí-huệ cho ta, đem ta đến chỗ giải-thoát, cho nên không chỉ hơn bằng quy y với vị thầy tự-tâm ấy. Kinh có câu : « Một niệm cùng khắp 10 pháp-giới » như thế thì 10 phương chúng-tăng cũng chính trong tâm niệm của chúng ta, nên ta quy-y với 10 phương chúng tăng tức là quy y tự-tâm chúng ta đó vậy. Chữ Tăng đây là chỉ cho cả 10 phương chúng-tăng.

Nói một cách hẹp hơn thì gần chúng ta đây cũng có hiện tiền. Tăng, tức là những đoàn thể tăng-già học hạnh kiêm-toàn. Phật pháp là một giáo-điều siêu việt, nếu không nhờ các vị tinh-thông chỉ bày thì ta làm sao hiểu thấu. Nên ta

quy-y Tăng-bảo, nghĩa là trở về nương tựa những đoàn-thể tăng-giã chân-chính, đề học đòi giáo-điền, tinh-tấn tu-hành, nếu ta muốn thể nhận được tự-tánh thanh-tịnh của ta.

II. — Vì sao cần phải Quy-y.

PHẬT DẠY : « Bồ-tát sợ nhơn, chúng-sanh sợ quả ». Nghĩa là Bồ-tát bao giờ cũng sợ hải hành-vi nhân địa không chơn-chính, chứ không sợ quả vị hưởng thọ có hay không ; trái lại chúng-sanh nước đến tròn mới nhảy, một khi đựng đầu đau khổ mới than-van, chứ không kể gì gây nhơn bất thiện.

Ở đời chỉ có hạng người mê-mờ ích-kỷ sống không có ngày mai mới « nhắm mắt đưa chân » ; ngoài ra ai lại không muốn có một cuộc đời an-ủi có ý-nghĩa. Muốn thế mà không được, suy nguyên chính chỉ vì muốn ăn quả mà không muốn trồng cây. Mà đời đau khổ là do nguyên nhân mê-lắm, vì mê-lắm nên phát sanh hành vi sai lại rồi sẽ chịu quả đau thương. Nay muốn khỏi đau khổ phải cải tạo hành-vi, phải nương nhờ chỗ quy-chỉ chơn-chánh; chỗ quy-chỉ chơn-chánh là Phật, Pháp, Tăng vậy.

Hơn nữa, chúng ta Quy-y Tam-Bảo là vì ta nhận thấy tuy trong tâm ta sẵn có tự-tâm Tam-Bảo, nhưng vì đã lâu đời bị vô-minh ngăn che, mãi mãi dong ruổi theo cảnh Trần giả hữu, gây nên vô lượng nghiệp nhân, luôn luôn quay cuồng trong vòng sanh tử. Chúng ta không khác một người mù loà quờ-quạng trong đêm tối, nếu không nhờ có ánh-sáng đèn hay người dắt-dẫn thì làm sao thoát khỏi được. Đức Phật đối với ta là một người cầm đuốc trong đêm tối, là một vị lương-y có lòng Từ-bi không cùng tận ? Chỉ có lòng Từ-Bi tuyệt vời ấy mới có thể an-ủi chúng ta trong lúc lệ nóng đang chan-hòa với giòng sông và mới có thể ấp-ủ được những tâm-hồn khắc-khoải vì đau thương... Nhưng lòng thương ấy không phải phát

sanh với một tâm hồn tiêu-cực bi-quan, mà duyên-khởi bởi một tấm lòng từ-bi vô hạn. Vì thế nên Ngài lại đem những phương-thức chính-đáng, những đạo-lý siêu-phàm để dạy vẽ chỉ-bày, làm cho ta thoát khổ được vui. Những phương-pháp ấy chính là ngọn hải-đăng của kẻ thủy-thủ lạc đường vậy. Còn Tăng-đồ là những đoàn-thể làm gương mẫu xứng đáng cho ta noi theo. Các Ngài không phải làm trung-gian giữa thực-thể và cá-nhân, mà chỉ có bổn phận dạy vẽ và làm kiểu mẫu cho ta trên đường giải-thoát mà thôi. Nói tóm lại vì Tam-Bảo đủ điều-kiện khả-năng làm cho ta thoát mê thành ngộ, ta khổ được vui nên ta nhất tâm quy-y cung-kính.

III. -- Quy-y phải thế nào ?

Có người vì không hiểu nghĩa của Quy-y nên tin tưởng rằng : Tam-Bảo là đấng thiêng-liêng, đủ uy lực ban phước gieo họa cho người đời, vì thế nên họ đến chùa Quy-y để tránh các tai-biến hoạn-nạn sẽ xảy đến cho gia-đình họ hay chính thân họ.

Quan-niệm này sơ dĩ mà có là vì chưa hiểu rõ chính nghĩa của chữ Quy-y. Quy-y chính là phương-liện đưa ta đến quả-vị giải-thoát và nhất là để thể-nhận tự tâm của chúng ta, với những người lầm-lạc ấy, sự Quy-y cũng không phải hoàn-toàn vô-ích; một khi đã đến nhà chùa dù trong một thời-gian rất ngắn, nhưng nhờ thấm nhuần được mùi đạo cũng có thể hoán-cải người độc-ác trở nên thuần-lương và chính nhờ sự kết duyên với Tam-Bảo mà chủng-tử thiện pháp ấy được gieo vào trong bát thức tâm điền, cho nên ở một đời sau, khi đủ duyên thì chủng tử ấy sẽ phát hiện ra và gặp được Tam-Bảo, tính-tiến tu-hành.

Nếu chúng ta muốn sự Quy-Y có nhiều kết-quả lợi-ích thiết-thực ở hiện-tại cũng như về tương-lai thì ngay bây giờ đây trong khi trở về với nguồn đạo cao-cả, chúng ta hãy tìm những vị tăng-gia gồm cả tu và học, vì chỉ có Tăng-

gia mới đủ điều-kiện đảm nhận sứ-mệnh của đức Như-Lai là hoằng-pháp lợi sanh; nhất là phải chọn/ra những vị hiệp với căn-cơ trình độ của mình để học-hỏi theo những giáo-pháp của Phật đã dạy. Nhưng không phải học suông mà đủ. Quy-y suông thì cũng chẳng lợi-ích gì như đọc sách mà không hiểu. Cho nên trong sự Quy-y, chúng ta hãy đem một tâm-niệm chỉ thành, quyết thật hành theo những phương-pháp của Phật dạy, thì không bao giờ Quy-y theo một tôn-giáo hay đạo-lý nào khác nữa. Như thế cũng chưa hoàn-toàn, chúng ta hãy đem một tâm-niệm vị-tha bình-dẳng, làm cho người khác cũng được lợi-ích như mình, bằng cách khuyến bảo chỉ bày cho họ phát-khởi chánh tín, nghĩa là cung-kính và Quy-y Tam-Bảo. Bởi vậy khi chúng ta làm lễ Quy-y, chúng ta có phát ba lời tâm nguyện lớn:

1) Đệ-tử Quy-y Phật, nguyện đời đời kiếp kiếp, không Quy-y thiên-thần quỷ vật.

2) Đệ-tử Quy-y Pháp, nguyện đời đời kiếp kiếp không Quy-y ngoại-đạo tà giáo.

3) Đệ-tử Quy-y Tăng, nguyện đời đời kiếp kiếp không Quy-y tôn hữu, ác đảng.

Có thể mới mong rằng: sự Quy-y của chúng ta có nhiều kết quả tốt đẹp cho mình và cho người, ở hiện tại cũng như về tương-lai, và sự Quy-y ấy mới tránh khỏi cái tệ chỉ nói suông mà không thật hành vậy.

VI. — Kết luận

Phật-giáo với đạo-lý Tam-Quy có đủ điều-kiện hoán-cải tâm-hồn của loài người, giới-thiệu một con đường mới-mẽ và đặt một lòng tin-tưởng ở khả-năng vô tận của loài người.

Là Phật-Tử chúng ta cần phải chân-chánh quy-y Tam-Bảo, đem những gì trong-trẻo cao đẹp nhất của chính mình mà hướng về Tam-Bảo, thì theo chánh-nghĩa Tam-Bảo làm chỗ y cứ cho hành-vi ý-nghĩ của chính mình. Có vậy mới thật là chơn-chánh Phật-Tử, khỏi có-phụ lời dạy dỗ của đức Bồn-Sư chúng ta và cũng khỏi có-phụ tánh linh của chúng ta vậy.

THÍCH-TRÍ-THỨ

PHẬT-GIÁO

CÓ NHỮNG KHUYẾT-ĐIỂM ẤY KHÔNG ?

(tiếp theo)

HÙNG-KHANH

Ông POTTER lại bảo: Phật-giáo xem « nhân-sinh ít có giá-trị và thân-thể bị ruồng bỏ ».

Công bình mà nói thì nhân-sinh với những cảnh sống, đau, già, chết, với những nỗi tham, sân, si đầy rẫy tâm hồn, với những nỗi mâu-thuân đôn-đau giữa mình và mình, mình và người, mình và hoàn-cảnh, ... một nhân-sinh như thế, xét ra cũng chẳng có giá-trị gì mấy. Và cũng bởi nhận thấy nó ít giá-trị như thế, nên đức Phật mới mở ra một cái đạo cho loài người theo đó mà hoán-cải cảnh nhân-sinh hiện đang tăm tối. Nếu cuộc đời đã là toàn-thiện, toàn-mỹ rồi thì đức Phật ra đời để làm gì nữa? Như chúng tôi đã nói ở trên rằng đức Phật đã làm một cuộc cách-mạng lớn cho nhân-loại trong sự đi tìm hạnh-phúc. Đã gọi là cách-mạng thì bao giờ cũng hàm một ý-nghĩa là phủ nhận hoàn-cảnh hiện-tại và thực-hiện một hoài-bảo đẹp-đẽ hơn:

Vậy bảo rằng đức Phật xem « nhân-sinh ít có giá-trị », không phải là không đúng. Nhưng bảo rằng Ngài cũng ruồng bỏ thân-thể thì thật là sai hẵn. Không biết ông POTTER đã bằng vào chứng cứ nào để nói như thế, chứ về phần chúng tôi, thì chúng tôi có thể viện rất nhiều bằng cứ để chứng-minh trái lại rằng Ngài rất chú trọng đến thân-thể trong việc tu-hành. Trong thời kỳ đi tìm đạo, Ngài cũng đã kinh-nghiệm rằng những phương-pháp khổ-hạnh, ép xác không đem lại

cho người tu-hành những kết-quả nào khác hơn sự đau ốm của thể-chất, sự hèn yếu của ý-chí và sự u-tối của trí-não. Bởi vậy, Ngài đã ba bốn ông KIỀU-TRẦN-NHƯ, là những người tu theo phép khổ-hạnh, để phát-minh con đường Trung Đạo cho mọi người noi theo.

« Nhơn thân nan đắc... », khi đã biết nói như vậy thì có lý nào lại đi hành động trái lại là ruồng bỏ thân-thể hay sao? Thân thể có tráng kiện, an ổn, trí-tuệ mới minh-mẫn, nhanh-nhẹn. Bởi vậy, luật ở nhà chùa không bao giờ thu nhận một kẻ tàn phế, tật nguyên nào muốn xuất-gia.

Nhưng nói như thế không có nghĩa là đức Phật đặt tinh-thần ngang hàng với thể chất. Thể chất cần phải mạnh khỏe để tu-tập; nó là một nơi nương tựa để chúng ta thực hiện đạo giải-thoát, chứ không phải là một mục-đích cuối cùng. Nếu yêu-chuộng thể chất, vì thể chất, cung dưỡng thân xác, vì thân xác, nếu phụng thờ nó như phụng thờ một lý-trưởng cao-siêu, nếu như thế, thì không phải chỉ Đức Phật THÍCH-CA là đã giải-thoát được những ràng buộc của xác thân, mà chính chúng ta đây là những kẻ tầm thường mà mỗi ngày không thể xao nhãng được hai bữa ăn, chúng ta đây cũng biết khinh-bĩ một chủ-nghĩa như thế...

.. Và khi ấy ông POTTER cũng muốn ruồng bỏ thân-thể chứ đừng nói chỉ đến đức Phật THÍCH-CA.

Chúng ta đọc tiếp câu chỉ-trích của ông Potter :
« Phật THÍCH-CA không chuộng đời sống gia-đình và xem nữ-giới như một giới thấp kém hẳn... »

Chúng ta hãy xét trước đoạn đầu : Phật THÍCH-CA đối với gia-đình.

Ai cũng biết rằng đức Phật THÍCH-CA đã có một gia-đình, một gia-đình đế-vương gồm có một cha già, một vợ

trẻ và một con thơ, một gia đình sống trong cảnh xa-hoa dục-lạc, ngày đêm yến ẩm, ca xang... một gia-đình với bao dây dợ buộc ràng về đủ mọi phương-diện : bốn phần, tình cảm, vật dục, mà mỗi ngày qua là như chôn sâu thêm một chút thiện căn, xua đuổi xa thêm một chút tri-sáng. Sống trong cảnh giới nguy-hiêm như thế, đức THÍCH-CÁ đã cương-quyết vùng dậy, tự mình cõng mở cho mình để tự thoát ra đi tìm một đời sống giản-dị, quang-dâng, lợi-ích hơn. Nhờ lòng cương quyết ấy, Ngài đã thành công trên đường đạo. Nếu Ngài cũng yếu ớt như ai, chịu theo hoàn cảnh mà tự để trôi xuôi theo dòng năm tháng lạng lờ, thì chắc chúng ta sẽ không có một đức Phật Thích-Cá để phụng thờ như ngày hôm nay. Cứ chỉ ruộng bỏ gia-đình là một cử-chỉ cần-thiết, không ai có thể chê trách được, mặc dù ngài đã để lại một người cha già, một vợ trẻ và một con thơ.

Đối với những kẻ tu-hành, gia-đình là một-gánh nặng, là những dây dợ buộc ràng mà kẻ yếu-duối chắc không thể nào trút xuống, gỡ ra được. Bởi vậy kẻ tu-hành muốn được rảnh-rang đều phải xuất-gia.

Nhưng không phải bao giờ muốn giải-thoát cũng phải xuất-gia. Có những kẻ tu tại-gia mà vẫn thành Bồ-tát. Và quả vị Bồ-tát này lại còn quý hơn cả quả-vị của kẻ xuất-gia. Điều ấy cũng không lấy gì làm lạ; càng sống trong cảnh-giới khó tu mà vẫn tu được, càng bị buộc ràng mà vẫn không-vương bận, càng sống trong cảnh-giới ô-trọc mà không-nhiêm-ô, kẻ tu tại-gia như thế càng biểu-lộ một bản-lãnh cao lắm và một sự tinh-tấn đồng-mãnh lạ thường.

Điều trên này chứng tỏ rằng đạo Phật không hẹp hòi đến nỗi chỉ dành riêng sự giải-thoát cho những người xuất-gia. Và sự ruồng bỏ gia-đình -- trừ những trường-hợp cần-thiết không thể không xuất-gia như trường hợp đức Phật Thích-Ca -- không phải là điều-kiện tất nhu tất yếu để thành Đạo. Đức Phật không bắt buộc mọi người phải rời bỏ gia-đình. Trong kinh Phật cũng có nhiều đoạn dạy người phải ăn ở hiếu-thuận với cha mẹ, anh em như : « gặp đời không Phật, khéo thờ cha-mẹ tức là thờ Phật » . -- Một câu như thế cũng đủ rõ Ngài chú-trọng đến sự hiếu-thuận bao nhiêu. Người ta cũng thường công kích như ông POTTER rằng Đạo Phật là Đạo bỏ cha, bỏ mẹ, không biết đến anh em, Đạo làm hư gia bại sản. Những lời công-kích ấy tỏ ra rằng người ta đã hiểu lầm Đạo Phật nhiều lắm. Sau đây là một vài câu nói về sự hiếu-thuận của con cái đối với cha mẹ mà chúng tôi tưởng cần trích đăng để cải chính những lời chỉ trích trên: « Giả sử có người một vai công cha, một vai công mẹ, suốt đời như vậy không bao giờ dừng nghỉ, lại cung cấp đồ ăn mặc, thuốc thang, như vậy cũng chưa đủ báo đáp ơn sâu của cha mẹ ». Kinh Bồn-Hạnh -- Đây là một câu khác trong kinh Tâm-Địa-quán : « Ôn cha hiện lớn như núi cả, ơn mẹ hiện to như biển rộng, không gì hơn một niệm hiếu-thuận, đem vật nhỏ mọn nuôi dưỡng, cha mẹ lành. Ở đời lấy gì làm giàu, lấy gì làm nghèo, mẹ hiền còn sống gọi là giàu, mẹ hiền không còn gọi là nghèo. Mẹ hiền còn sống gọi là mặt trời giữa trưa, chói sáng, mẹ hiền khuất bóng gọi là mặt trời đã lặn; mẹ hiền còn sống gọi là mặt trăng sáng tỏ, mẹ hiền mất rồi gọi là đêm tối u-ám » .

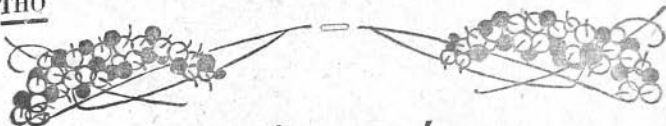
Vì phạm-vi bài này có hạn, chúng tôi lấy làm tiếc không thể dẫn ra nhiều đoạn Phật dạy về đạo-hiểu khác nữa; nhưng một vài câu trên cũng đủ hùng-hồn để chứng tỏ rằng về sự hiểu-thuận trong gia-đình, Phật-giáo cũng không kém gì đạo Nho là đạo rất chú-trọng đến chữ Hiếu.

Chúng tôi dùng chữ « không kém » vì nhu-mì đối với cái đạo mình đang tin tưởng. Đúng ra, phải nói là hơn hẳn, vì đạo hiểu của Nho giáo chỉ khu biệt trong phạm-vi thế-gian nghĩa là chỉ lo phụng-dưỡng cha mẹ trong đời hiện-tại mà không chú-trọng đến đời sống tương-lai, chỉ lo đỡ vát những nỗi đau-khổ của cha mẹ trong cảnh giới ô-trọc này mà không nghĩ đến sự giải-thoát những nỗi khổ vĩnh-viễn về sau.

Nói một cách khác là chỉ lo đến quả hiện-tiền mà không nghĩ đến quả tương-lai. Còn chữ Hiếu của Đạo Phật gồm cả hiện-tại và tương-lai, thế-gian và xuất-thế-gian nữa. Thì đây, chúng ta hãy nghe câu nói này trong tập Long thứ Tịnh-Độ văn : « Lấy món Cam-lồ phụng-dưỡng cha mẹ là hiếu thế-gian, khuyên cha mẹ tu Tịnh Độ là hiếu xuất-thế-gian. Hiếu thế gian thì cha mẹ chỉ hưởng phước trong một đời, báo hiếu như vậy không lớn Hiếu xuất-thế-gian giúp cha-mẹ hưởng phước vô-tận, vì cha mẹ được lên cõi Tịnh-Độ, phước thọ trải vô lượng kiếp như vậy mới là Đại-Hiếu » (1).

Còn nữa

(1) Những đoạn này trích trong quyển « LỜI PHẬT DẠY » của Dịch-giả THÍCH-MINH-CHÂU.



PHẬT HÓA

Tặng Đoàn Phật-Học Đức-Dục.

Hợp ý mười phương từ vạn kỷ,
 Khắp gieo thiên hạ một mầm thương,
 Công phu mượn dẫn về Chơn-tánh,
 Thường ngát vườn hương hạnh cát-tường.

Góp gió e dè chỉ hướng lạ,
 Một chiều chực thời sạch mây mưa,
 Dầu xanh, dầu bạc, không phân sắc,
 Biển núi, lòng không ngại thiếu thừa !

Gắm vóc coi thô bằng bố vải,
 Đất bùn tỏa rạng ánh trần châu,
 Gươm dao đối chảnh lưỡng phước huệ,
 Hoa nở nơi nơi chẳng hạn màu !

TỔNG-ANH-NHỊ
 (Trích tập thơ Phật)

NHỮNG MẪU CHUYỆN ĐẠO

MINH-CHÂU *Trích thuật*

Đạo Phật là đạo Từ-Bi, một lòng Từ-Bi rộng lớn sáng suốt, trùm cả muôn loài muôn vật. Dưới đây là hai mẫu chuyện nhỏ của một vị Tỳ-Kheo và một vị Cư-Si hành đạo nhân-từ.

I

Có một vị Tỳ-Kheo đến khát-thực tại một nhà kia, được mời vào trong phòng ngồi một mình. Người chủ lên tiếp chuyện, tay có đeo chiếc nhẫn, vô-ý đánh rơi xuống đất mà không biết. Lúc ấy có con ngỗng đi ngang nuốt vào bụng. Vị Tỳ-Kheo thấy, nhưng không nói gì. Một lát, người chủ mới biết mất chiếc nhẫn bèn lên tìm hỏi. Vị Tỳ-Kheo im lặng không đáp. Người chủ sanh nghi hỏi dồn, vị Tỳ-Kheo vẫn im lặng. Không thể nén nổi lòng tức giận, người chủ mắng chửi và đánh đập, nhưng vị Tỳ-Kheo vẫn cam chịu không nói một lời gì. Lúc ấy có người nhà chạy lên thưa với người chủ rằng : « Không biết vì sao con ngỗng của nhà, tự nhiên ngã chết ngoài sân kia » . Nghe lời nói xong, vị Tỳ-Kheo mới thông thả trả lời : « Khi hồi tôi có thấy con ngỗng nuốt chiếc nhẫn » . Người chủ liền bảo người nhà đem mổ bụng con ngỗng thì tìm được chiếc nhẫn.

Người chủ hối hận lên thưa với Vị Tỷ-Kheo : « Bạch Thầy, sao khi hỏi Thầy lại không nói ngay cho con biết, để đến nỗi con sanh nghi, xúc phạm đến danh thể của Thầy » .

Vị Tỷ-Kheo trả lời : « Ông nghĩ cũng phải, tôi không trách gì, nhưng nếu tôi nói ngay thì con ngỗng sẽ bị ông giết vì lời nói của tôi; việc ấy tôi không bao giờ dám làm cả, dầu có hại đến tánh mạng tôi cũng vậy » .

II

Ở thành Ma-đồ-La, có nàng Kỹ-nữ sắc đẹp tuyệt-trần tên là Phệ-sa. Nàng thường đề ý đũa thị-tỳ của nàng, khi nào đi mua phấn sáp gì thì cứ đến nhà một lái buôn trẻ tuổi tên là Ưu-Bà Cấp-Da.

Một hôm nàng kêu hỏi : « Người có tình ý với chàng làm sao, mà mùa gì cũng đến đây cả ? Đũa thị-tỳ thưa : « Chàng người phong nhã, tánh tình thuần hậu, lại là người chí thành theo đạo Phật, mọi người đều kính-mến » . Nàng Phệ-sa nghe nói liền sai thị-tỳ đến mời chàng đến chơi. Chàng bảo về trả lời : « Bây giờ chưa phải lúc gặp tôi » . Nàng nghĩ sợ chàng hiểu lầm phải có tiền, nên sai đến nói lại. Chàng cũng vẫn trả lời : « Bây giờ chưa phải lúc gặp tôi » .

Cách ít lâu, nàng Phệ-sa muốn bán mình cho một nhà buôn giàu bèn mưu giết người nhân nghĩa cũ. Việc tiết lộ,

bị Vua Ma-Đồ-La truyền bắt, cắt tay, cắt mũi rồi đẩy ra ngoài tha-ma. Chàng Uu-Bà Cấp-Da biết đầu đuôi câu chuyện nghĩ bụng rằng: « Khi nàng còn đẹp-đẽ sung-sướng thì người họ đạo không nên đến làm chi. Nay nàng đã bị cụt tay cụt chân, đau-đớn khổ-sở, chính là lúc ta phải đến thăm nàng. Nghĩ xong, chàng cùng người hầu cận đi đến thăm. Đứa thị-tỷ cứ vẫn không rời bỏ nàng, trông thấy chàng đến, liền hốt hoảng vào tin. Nàng Phệ-Sa vội vàng lấy miếng vải khoác trên thân, khóc lóc tủi thẹn mà nói rằng : « Thưa chàng, khi người thiếp thơm đẹp như đóa sen báu thì chàng không đoái hoài đến. Nay thiếp thân tàn ma dại như thế này, chàng còn đến làm gì cho tủi cực lòng thiếp ».

Chàng đáp: « Trước kia tôi không đến vì tôi không có tâm ; ngày nay nàng bị nạn, tôi đến để thăm nàng và chỉ cho nàng rõ những thâm trạng của sự khoái-lạc gây ra ở trong đời ». Rồi chàng đem đạo Phật nói cho nàng nghe, chỉ rõ nhân-quả tội phước, khuyến hóa an-ủi nàng.

Nàng Phệ-Sa tự biết tội lỗi của mình, phát lòng sám-hối, tâm được an-vui nhẹ-nhàng. Và từ đó, chỉ thành cải hóa theo lời Phật dạy, nàng luôn luôn làm điều lành, tránh điều ác, mở rộng thân tâm, quên nỗi đau khổ của mình, nghĩ đến đau khổ của người.

MINH - CHÂU

CHÂN TINH-THẦN CỨU THẾ TÍCH-CỰC CỦA PHẬT-PHÁP

Tác-giả : THÁI-HU' Pháp-sư

Dịch-giả : TRÍ-KHÔNG

Dưới đây là bài của Ngài THÁI HU' do Học Tăng TRÍ-KHÔNG dịch. Vì bài quá dài mà số trang của VIỆN-ÂM thì có hạn, nên chúng tôi có rút bớt một vài đoạn mà Tác-giả đã bàn rộng ra ngoài đề. Xin bạn đọc lượng thứ.

L. T. S.

Nay là thời nào ! Phải chăng là thời đại văn minh vật chất, khoa học phát-đạt? Văn minh vật-chất khoa học phát-đạt có thể bỏ khuyết những chỗ thiếu-thốn của nhân sinh, dứt trừ sự thống-khổ cho nhân-loại chăng? Nói rằng: chưa vậy.

Nhân đời văn-minh vật-chất mà lòng tham cấu trần dục càng thịnh, thì sự thiếu-thốn càng lắm; nhân khoa học phát-đạt, mà lợi khí giết người càng tinh-xảo, như thế sự thống-khổ càng thêm sâu. Huống nữa họa-hoạn lung tung, thiên tai thảm-khốc, đem toàn trí lực của loài người cũng không thể tiêu-trừ bỏ cứu được, thế nên khắp cả nhân-dân trong thế-gian hầu hết hăm vào trạng-thái: tư-tưởng lộn xộn, tinh thần khủng-hoảng; mà không có phương-pháp để an-ôn chỉnh-đốn lại. Nói đến triết-học thì mờ-mịt mơ-mãng cũng như bọn người mù sờ voi; nói đến giáo-dục thì vịn theo sự lầm-lẫn, cũng như leo cây mà bắt cá; vạn năng của khoa-học mất chỗ bằng cứ, cường quyền vũ-lực dễ thỏa-thích sự cuồng vọng, ngu-si; thế đạo mịt mù nhân-tâm tăm tối, rối loạn khắp trời đất, tai nạn không bao giờ thôi. Do đó biết khoa-học, triết-học, giáo-dục, chánh-trị, không đủ để cứu đời.

Muốn phát-huy chân tính thần cứu-thế, vì mọi người làm con đường thẳng, để an thân lập mạng, chỉ duy nhờ có Phật-giáo mà thôi. Phật-pháp tôn-giáo là thế nào ? Phật là giác. Lấy Thánh-tri tự-giác làm « tôn », do tự giác mà thi-thiết giáo lý màu nhiệm, giác-ngộ người khác gọi là « giáo ». Cho nên « tôn » là tự-giác, « giáo » là giác-tha vậy.

Tôn giáo ấy có thể bỏ cứu chỗ khuyết-diểm của nhân-sinh, cứu sự thống-khổ của nhân-loại, khiến cho mọi người đều đến địa-vị đầy-dủ an-lạc. Vì Phật giáo có chất gồ phiến nào, lấp cạn giống đau thương, cứu giúp đời được. Góc khổ như thế nào ? Do mê tin chấp-trước mà ra. Chúng ta vô-thỉ bát-giác, do đó mê bỏ chọn-làm, rong ruổi theo vọng-cảnh, khi hoặc tạo nghiệp, theo nghiệp chịu báo, thọ khổ không cùng, khó mong ngày thoát khỏi. Nay lấy lý « Giác » của Phật-pháp hóa-dộ si mê. Hề giác thì không mê, không mê, thì không tạo nghiệp, khỏi thọ khổ vậy.

Những tôn giáo khác, không phải không nghĩ đến cách giác-ngộ, nhưng như kẻ mù nói sữa, ít rõ chân tướng của nó ; tuy muốn giác-ngộ mà giác không nhằm đường. Những tôn-giáo khác, không phải không nghĩ cách thoát khổ, song như nấu cát không mong có ngày thành cơm, tuy muốn thoát khổ mà không làm sao thoát khổ. Chỉ có đức Phật của ta, giác ngộ hoàn toàn, nói phương pháp giúp đời cứu khổ, thật là một chương trình có thứ tự, hoàn-toàn thiện mỹ vậy.

Hay thay ! chân thật thay ! thuốc hay trừ bệnh, được sáng phá sự tối tăm, là món ăn ngon lành trừ đói khát, là ngọc ma-ni trong trận mưa báu. Những kẻ tri giả cảm sự giác-hoá từ-bi vui mừng hơn hở.

Kho báu của Phật-pháp, mệnh mông như bể cả, rộng lớn như hư-không, song xét kỹ-cương của Phật-giáo đại-khải không ra ngoài những điểm chính như sau đây :

Phật Pháp	{	Tâm Bồ-đề làm nhân (<i>cảnh</i>) Chuyển mê khai ngộ: tiêu cực.
		Đại-bi làm căn-bản (<i>hạnh</i>) ngăn việc ác tu điều lành.
		Lấy phương-tiện làm cứu-kính (<i>quả</i>) là khổ được vui: tích cực.

(Trên đây tuy có chia ra tiêu-cực, tích cực không đồng, song tức nơi tiêu-cực là tích-cực, không phải là tiêu-cực mà riêng có tích-cực, như chuyển mê tức là ngộ, dứt ác tức thành thiện, là khổ tức được vui).

Cương yếu của Phật-pháp bước thứ nhất là ở chỗ chuyển tình-chấp mê-làm ma khôi-phục giác-tánh. Chúng-sanh mắc đầu mê-vọng trầm luân, song tánh Linh-minh sẵn có một lý không hao giảm. Bỏ tình-chấp mê-làm đi, thì tự chứng được bản-giác, cũng như vàng ẩn trong khoáng-vật, nếu bỏ những chất quặng thì chân-kim tự hiện ra công trình thật hành và điều luyện ấy, bồ-đề-tâm là yếu-nghĩa thứ nhất.

«Bồ-đề» tức «giác đạo». Giác-ngộ tâm này mà thi-hành đạo chân thật gọi là bồ-đề-tâm. Sao gọi là giác? Nghĩa là như thật biết rõ tâm tánh của chúng ta, sẵn đủ giác-thể cùng Phật bình-dẳng không khác, chúng ta nếu có công thật hành ma luyện, bỏ sự mê-làm, hiển bày chân-giác, thì Phật-đạo quyết thành. Cho nên phát-tâm bồ-đề trên cầu Phật đạo, tinh-tần tu-trì, mong ngày thành Phật, đó là tôn-chỉ của Phật-pháp, tức là Phật-tôn vậy. Lại rõ biết giác-tánh bình-dẳng, tất cả chúng-sanh đều có thể thành Phật, nên không thể không thể không giáo-hóa, để cùng chung đạt mục-dịch làm Phật, nên dưới phát tâm bồ-đề giáo-hóa chúng sanh.

«Hu-không dù cùng tận, nguyên ta cũng không cùng, độ tất cả chúng-sanh đều thành Phật đạo». Thế là do tôn-chỉ của Phật-pháp mà thi-thiết giáo-lý của Phật-pháp tức là Phật-giáo đó vậy.

Trên cầu Phật đạo, đoạn trừ phiền-não, rõ đường sanh-tử, giống như thuộc về tiêu-cực; nhưng thật ra diệu-quả bồ-đề cũng có thể chứng, nên tiêu-cực, tức là tích-cực. Tuy giống như chuyện thuộc về tự-lợi, song tự-lợi tức là căn bản của lợi-tha. Giống như chuyện thuộc về lợi-tha, nhưng có tự-lợi mới có thể lợi-tha. Thật hành lợi-tha tức là viên-mãn đạo nghiệp của chính mình. Tự lợi, lợi tha, trên cầu, dưới hóa-độ, do phát bồ-đề tâm làm nhân vậy. Nay muốn phát huy giáo lý chân thật cứu thế có cần phải phát-tâm ư? Tâm là căn bản của tất cả pháp, như đức Khổng-Tử nói: « Muốn trị nước, bình thiên hạ, trước tiên phải chánh tâm, thành ý ».

Đã giác ngộ mà phải phát tâm, vì nếu không thật hành thì làm sao đầy đủ nguyện vọng thành Phật độ sanh, cho nên phải lấy « núi hành » mà lấp « bể nguyện » Ngộ hầu, nguyện không phải là nguyện suông, mà hành là chân hành vậy.

Nhân mê lầm tạo ác, quyết gặp khổ báo, nay đã biết khổ báo là đáng sợ, nhân ác cần nên đoạn, cho nên mau mau phải ngăn ngừa tất cả các điều ác, mà tu tất cả các điều lành. Thiện hay là ác không ra ngoài ba nghiệp: thân, khẩu, ý. Như ba món sát, đạo, dâm về thân nghiệp, dối, món: vọng ngôn, ý ngữ, lường thiệt, ác khẩu về khẩu nghiệp; ba món: tham, sân, si về ý nghiệp gọi là mười điều ác. Do những ác nghiệp sát, đạo, dâm vân vân... đến nỗi tạo thành sự thống khổ cho tất cả nhân-quần thế-giới, tương lai phải chịu sự khổ sở trong tam-đồ. Ác là nhân của khổ, khổ là quả của ác.

Muốn khỏi quả khổ, phải đoạn nhân ác, nên phải thật hành thập thiện là: không sát sanh, không dâm dục, không nói dối cho đến không tham, sân, si; ngăn việc dữ tu điều lành, chính là điểm rất quan yếu. Thành Phật độ sanh lấy đây làm cơ-bản. Muốn cứu những sự thống khổ của nhân loại trong thế gian thì lấy con đường thập thiện này cũng đã thừa thãi lắm rồi. Thứ căn cứ giới đầu tiên là bất sát sanh mà luận: người đời hoặc do thích khẩu mà sát hại sinh mạng của muôn vật, hoặc mong những công trạng, lợi lộc mà sát hại sinh linh. Một phen thích khẩu mà trảm mạng phôi thai, một ông tướng thành công thì vạn quân xương phôi giữa sa trường, quả-báo Di-Sanh khó tránh khỏi. Những sự giết chóc lẫn nhau giữa đồng loại càng thê-thảm, sát khí đầy dẫy, nguồn sống bị dừng nghỉ, sự thống khổ của loài người trong thế-gian hầu không có gì đau khổ hơn. « Muốn biết kiếp đao binh trong trần thế, hãy nghe tiếng lợn kêu trong quán thịt lúc nửa đêm ». Ăn huyết, mỡ của loài vật để tư-dưỡng miệng mình, thật như uống chất độc để trừ khát, chưa trở chân mà họa đã đến vậy. Không thấy họa chiến tranh ở Âu-châu, đạn khói, xương thịt, tung bay hay sao ! Tai ương nổi dậy ở đất Kinh-Tân, một màu lửa mạnh, thiêu đốt muôn hình hài ! Đô-thị càng phồn-thạnh, sát nghiệp càng thêm nặng: thiên tai và họa-hoạn sánh đó mà biết được. Cho nên trong Phật-pháp đầu tiên chú-trọng giới sát: cả những loài bay trên trời, ở dưới nước có cử-dộng cho đến những loài còn-trùng rất nhỏ như sâu kiến vùn vùn... phạm có sanh mạng có tri-giác đều không thể giết hại, huống nữa là loài người ư ?

Máy giết đã bỏ thì sự thống-khổ tự-nhiên trừ diệt, khiến cho đại địa chúng-sanh đều được an-lạc. Còn đâu những cảnh đao binh thiên tai hay họa-hoạn ? Do một giới bất sát này, đã đủ công-năng cứu đời, huống nữa tu hành cả thập thiên mà lại giữ các giới luật nữa ư ? Những kẻ ưu-thời mẫn-thế, mỗi khi nhìn đến thế đạo nhân tâm ngày một suy đồi, đau đầu như óc, than-thở cầu mong một phương-pháp gì để bờ-cứu, há lại không biết đại nghĩa tri-giới tu-thiện trong Phật-pháp sao ? thật là đầy-đủ sức hùng-vĩ để sửa đời cứu thế vậy.

Món trần-tu ở trước mắt mà không biết ăn, áo đẹp trước mắt mà không chịu mặc, có châu báu mà không biết dùng, đến nỗi không thể tránh khỏi ngu hèn, nghèo khổ đói rét. Như thế không phải điên-rồ lắm ru ?

Người đời thường lầm cho Phật-pháp là tiêu-cực là lánh đời, đâu biết trong Phật-pháp tự-lợi-lợi-tha chính là tích-cực mà không phải tiêu-cực. Phật-pháp đầy-đủ sáu thừa (thiền, nhơn, thanh-văn, duyên-giác, Bồ-tát, Phật) chính là giúp đời chứ không phải lánh đời. Huống nữa, lánh đời là cốt để cứu đời ; cho nên hành Thanh văn chứng quả trở lại làm ruộng phước cho nhơn, thiên gieo quả phúc. Nên biết Thanh-văn tự độ, không phải gọi là yếm-thế là vô-vi đâu. Tự độ chính là độ-tha. Sợ người không muốn cứu đời, chứ nếu mọi người tự độ lấy mình, tức là đã có năng-lực tự-độ, sợ gì không có phương-pháp cứu đời ? Phật-pháp như ngọc quý Ma-ni, các mặt đều tròn. Phật-pháp như vị Cam-lồ, các giọt nước đều ngọt. Những bậc minh-triết ở đời xin hãy nếm thử, làm thử!